



ISSN 1859-3666
E-ISSN 2815-5726

Tạp chí KHOA HỌC THƯƠNG MẠI

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

**JOURNAL
OF TRADE SCIENCE**

**QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CHUYỂN ĐỔI XANH**

Năm thứ 25
Số đặc biệt 3



khoa học thương mại

TẠP CHÍ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ TRÁCH TẠP CHÍ:

NGUYỄN ĐỨC NHUẬN

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

TRƯỞNG BAN TRỊ SỰ

NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG

❑ Tòa soạn

Phòng 202 nhà T
Trường Đại học Thương mại
Số 79 đường Hồ Tùng Mậu
Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội

❑ Điện thoại: 024.37643219 máy lẻ 2102

❑ Fax: 024.37643228

❑ Email: tckhtm@tmu.edu.vn

❑ Website: tckhtm.tmu.edu.vn

❑ GP hoạt động báo chí:

Số 195/GP-BTTTT ngày 05/6/2023

❑ Chế bản tại: Tòa soạn

Tạp chí Khoa học Thương mại

❑ In tại: Cty TNHH In & TM Hải Nam

❑ Nộp lưu chiểu: 6/2026

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC BIÊN TẬP

Đinh Văn Sơn - Đại học Thương mại (Chủ tịch)

Phạm Vũ Luận - Đại học Thương mại (Phó Chủ tịch)

Nguyễn Bách Khoa - Đại học Thương mại (Phó chủ tịch)

Phạm Minh Đạt - Đại học Thương mại (Ủy viên thư ký)

Các ủy viên

- **Vũ Thành Tự Anh** - ĐH Fulbright Việt Nam (Hoa Kỳ)

- **Lê Xuân Bá** - Viện QLKT TW

- **Hervé B. Boismery** - Đại học Reunion (Pháp)

- **H. Eric Boutin** - Đại học Toulon Var (Pháp)

- **Nguyễn Thị Doan** - Hội Khuyến học Việt Nam

- **Haasis Hans** - Đại học Bremen (Đức)

- **Lê Quốc Hội** - Đại học Kinh tế quốc dân

- **Nguyễn Thị Bích Loan** - Đại học Thương mại

- **Nguyễn Hoàng Long** - Đại học Thương mại

- **Nguyễn Mai** - Chuyên gia kinh tế độc lập

- **Dương Thị Bình Minh** - ĐH Kinh tế Tp Hồ Chí Minh

- **Hee Cheon Moon** - Hội Nghiên cứu TM Hàn Quốc

- **Bùi Xuân Nhàn** - Đại học Thương mại

- **Lương Xuân Quỳ** - Hội Khoa học kinh tế Việt Nam

- **Nguyễn Văn Song** - Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- **Nguyễn Thanh Tâm** - Đại học California (Hoa Kỳ)

- **Trương Bá Thanh** - ĐH Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

- **Đinh Văn Thành** - Viện Nghiên cứu thương mại

- **Đỗ Minh Thành** - Đại học Thương mại

- **Lê Đình Thắng** - Đại học Québec (Canada)

- **Trần Đình Thiên** - Viện Kinh tế Việt Nam

- **Nguyễn Quang Thuấn** - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

- **Washio Tomoharu** - ĐH Kwansey Gakuin (Nhật Bản)

- **Lê Như Tuyền** - Grenoble École de Management (Pháp)

- **Zhang Yujie** - Đại học Tsinghua (Trung Quốc)

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Bùi Quang Bình, Trương Thị Như Ý và Trương Bá Thanh** - Tác động của chuyển đổi số đến năng suất lao động: bằng chứng từ các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên. **Mã số: DB3.1TrEM.11** 4
Impact of Digital Transformation on Labor Productivity: Evidence from Provinces in Central Vietnam and the Central Highlands
- 2. Nguyễn Việt Hồng Anh** - Vai trò của chi tiêu công đối với phát triển bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số tại các nước Châu Á. **Mã số: DB3.1DEco.11** 22
The Impact of Public Spending on Sustainable Development Amid Digital Transformation in Asian Nations
- 3. Nguyễn Thị Cẩm Vân** - Tăng trưởng xanh ở Việt Nam: vai trò của tăng trưởng kinh tế và toàn cầu hoá. **Mã số: DB3.1DEco.11** 36
Green Growth in Vietnam: the Role of Economic Growth and Globalization
- 4. Nguyễn Hoàng Việt và Lê Hoàng Quỳnh** - Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Nhật Bản trong bối cảnh gia tăng các hàng rào kỹ thuật và môi trường. **Mã số: DB3.1IBMg.11** 48
Exporting Vietnam's seafoods to Japanese market in the context of increasing technical and environmental barriers
- 5. Lê Huy Huân, Nguyễn Đỗ Bảo Ngọc, Phạm Quỳnh Mai và Phạm Ngọc Ánh** - Kiểm định vai trò trung gian của quản lý ESG trong tác động của chuyển đổi xanh đến lợi thế cạnh tranh bền vững ở doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam. **Mã số: DB3.1BAdm.11** 62
Examining the Mediating Role of ESG Management in the Impact of Green Transition on Sustainable Competitive Advantage among Listed Companies in Vietnam
- 6. Nguyễn Thị Hằng và Nguyễn Văn Huân** - Một cách tiếp cận chuyển đổi số tài trợ chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp Việt Nam. **Mã số: DB3.1TrEM.11** 75
A digital transformation approach to supply chain finance for Vietnamese Enterprises

- 7. Hà Ngọc Ly, Nguyễn Trần Hưng, Lê Nguyễn Thảo Nguyên, Phạm Thu Huyền, Trịnh Hoàng Dung và Vũ Ngọc Minh** - Vai trò liên kết giữa khuynh hướng tiếp biến văn hóa tiêu dùng toàn cầu và nhận thức công nghệ nền tảng trong hành vi mua sắm xuyên biên giới của sinh viên Việt Nam: tiếp cận theo mô hình kích thích - chủ thể - phản ứng (sor). *Mã số: DB3.2TrEM.21* 85
- The Linking Role between Global Consumer Culture Orientation and Platform Technology Perception in Vietnamese Students' Cross-Border Shopping Behavior: A Stimulus - Organism - Response (SOR) Model Approach*
- 8. Tô Minh Hương, Hoàng Thị Ba và Nguyễn Thị Huyền** - Nghiên cứu vai trò của vốn chủ sở hữu và thanh khoản đối với tăng trưởng bền vững: Bằng chứng thực nghiệm từ các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Mã số: DB3.2FiBa.21* 104
- Examining the Role of Equity Capital and Liquidity in Sustainable Growth: Evidence from Vietnamese Commercial Banks*
- 9. Nguyễn Phương Linh và Nguyễn Đức Nhuận** - Mức độ phát triển và lan tỏa thực hành xanh trong ngành thúc đẩy nhận thức của doanh nghiệp về logistics xanh: vai trò chính sách hoàn thiện và yêu cầu khách hàng. *Mã số: DB3.2BAdm.21* 119
- Green Practice Development and Diffusion Driving Firm's Perception of Green Logistics: the Role of Policy Improvement and Customer Requirements*
- 10. Đỗ Vũ Phương Anh** - Đánh giá năng lực kỹ thuật số của nhà lãnh đạo: nghiên cứu so sánh thế hệ X và Y trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam. *Mã số: DB3.2TrEM.21* 134
- Assessing leader digital competence: A comparative study between Generation X and Generation Y in Vietnamese small and medium sized enterprises*
- 11. Trần Thị Hoàng Hà và Lưu Thị Thùy Dương** - Các yếu tố tác động đến sự sẵn sàng tiết lộ thông tin cá nhân của người mua tại các sàn giao dịch thương mại điện tử: vai trò trung gian của niềm tin. *Mã số: DB3.2BAdm.21* 144
- Determinants of Consumers' Willingness to Disclose Personal Information on E-Commerce Platforms: the Mediating Role of Trust*

- 12. Nguyễn Văn Hải và Lê Quốc Đình** - Khám phá mối quan hệ phi tuyến giữa tài chính kỹ thuật số toàn diện và tỷ lệ thất nghiệp: phân tích bằng hồi quy phân vị Bayesian. **Mã số: DB3.2MEIS.21** 155
Nonlinear Nexus between Digital Financial Inclusion and Unemployment: A Bayesian Quantile Regression Approach
- 13. Đinh Sao Linh** - Đánh giá tác động của chuyển đổi xanh và chuyển đổi số ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh: bằng chứng thực nghiệm từ ngành may mặc Hà Nội. **Mã số: DB3.2BMkt.21** 170
Assessing the Impact of Green Transformation and Digital Transformation on Competitiveness: Empirical Evidence from the Garment Industry in Hanoi
- 14. Hoàng Phương Dung, Đỗ Thị Huyền Trang, Trần Thanh Hải, Nguyễn Thị Hương Dung và Nguyễn Thế Anh** - Các yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận về hành vi tẩy xanh và hệ quả hành vi của người tiêu dùng Việt Nam. **Mã số: DB3.2BMkt.21** 189
Factors influencing Vietnamese consumers' perceived greenwashing and consequences
- 15. Vũ Thị Thúy Hằng** - Các yếu tố ảnh hưởng đến đánh giá trực tuyến của khách du lịch tại các cơ sở lưu trú ở Việt Nam dựa trên dữ liệu Tripadvisor. **Mã số: DB3.2TRMg.21** 203
Factors Affecting Online Reviews of Tourists at Accommodation Establishments in Vietnam Based on Tripadvisor Data

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 16. Huỳnh Vũ Linh và Lê Tấn Nghiêm** - Các nhân tố ảnh hưởng nhu cầu công việc theo cơ chế linh hoạt của Thế hệ Z tại thành phố Cần Thơ. **Mã số: DB3.3OMIs.31** 219
Determinants of Flexible Work Arrangement Demand among Generation Z in Can Tho City

MỘT CÁCH TIẾP CẬN CHUYỂN ĐỔI SỐ TÀI TRỢ CHUỖI CUNG ỨNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hằng *

Email: nthang@ictu.edu.vn

Nguyễn Văn Huân *

Email: [nvhuân@ictu.edu.vn](mailto:nvhuan@ictu.edu.vn)

* Trường ĐH Công nghệ thông tin và Truyền thông, ĐH Thái Nguyên

Ngày nhận: 02/08/2025

Ngày nhận lại: 07/10/2025

Ngày duyệt đăng: 10/10/2025

Trong bối cảnh hậu Covid-19, chiến tranh Nga-Ukraina, khu vực Trung Đông giữa Israel và dải Gaza, Iran..., cạnh tranh giữa các nước lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc đã gây ra những bất ổn và làm gián đoạn, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Bài báo sẽ đề xuất xây dựng một khung nghiên cứu lý thuyết phục vụ cho mục đích nghiên cứu về hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng truyền thống và chuyển đổi số chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp Việt Nam, giúp doanh nghiệp có được công cụ, mô hình quản trị chuỗi cung ứng một cách hiệu quả thông qua SCF. Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu thống kê, tổng hợp và phân tích đánh giá dữ liệu khảo sát, thu thập được từ 15 nhà quản lý, nhà khoa học. Đồng thời, kế thừa những phát hiện có giá trị từ các nghiên cứu trước. Kết quả cho thấy các nhà quản lý, khoa học đánh giá đều đồng ý và cho rằng rất cần thiết với những tiêu chí đưa ra trong khung nghiên cứu SCF (bao gồm: Lý luận và thực tiễn, Thực trạng Chuyển đổi số SCF, Ảnh hưởng tới Chuyển đổi số SCF, Chuyển đổi số SCF tại doanh nghiệp, Phân tích SWOT (Chuyển đổi số SCF) và Giải pháp Chuyển đổi số SCF). Dựa vào Khung nghiên cứu SCF sẽ giúp doanh nghiệp có được công cụ hỗ trợ trong hoạt động quản trị, điều hành doanh nghiệp đảm bảo phát triển bền vững, tránh gián đoạn trong hoạt động chuỗi cung ứng.

Từ khóa: Tài trợ, chuỗi cung ứng, tài trợ chuỗi cung ứng, khung nghiên cứu, chuyển đổi số, tích hợp SCF.

Keywords: Funding, supply chain, supply chain financing, research framework, digital transformation, SCF integration.

JEL Classifications: G32, A1.

DOI: 10.54404/JTS.2026.DB3V.06

1. Giới thiệu

Chuỗi cung ứng là một hệ thống liên kết các tổ chức, con người, hoạt động, thông tin và các nguồn lực liên quan đến việc sản xuất, tiếp thị và phân phối sản phẩm từ nguyên vật liệu thô đến khách hàng cuối cùng (Trainer, Hedberg, Feeney, Fischer, & Rosche, 2016). Như vậy, các hoạt động của chuỗi cung ứng thường bao gồm hoạt động mua nguyên liệu, sản xuất, đóng gói, vận chuyển và cuối cùng là lưu trữ đến quy trình phân phối. Trong những năm Covid-19, hoạt động chuỗi cung

ứng của Việt Nam cũng như thế giới đã gặp nhiều khó khăn do bị gián cách xã hội (Tổng cục Thống kê, 2021; Vietbao.vn, 2021; Dantri.com, 2021), điều này đã làm cho chuỗi cung ứng bị đứt gãy, dẫn tới gián đoạn thị trường, hoạt động cung ứng toàn cầu và cả Việt Nam (Le, T. T., 2020; Nguyen, X. H., & Le, T. A., 2020; Nguyen, V. P., Estalia, A., & Razacova, G., 2017). Tuy nhiên, sau dịch bệnh Covid-19, sau những năm 2021 đến nay, cơ bản nền kinh tế thế giới, cả trong nước đều đã ổn định; hoạt động chuỗi cung ứng toàn

cầu và trong nước đã dần hồi phục, kết nối trở lại và thúc đẩy phục hồi phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, một số ngành nghề vẫn chưa phục hồi mạnh được như trước, chẳng hạn: chuỗi cung ứng dệt may, vận tải, lĩnh vực điện tử, ô tô... Do vậy, cần có những giải pháp mạnh hơn để hỗ trợ cho hoạt động, các thành phần của chuỗi cung ứng được đảm bảo được kết nối, duy trì và thúc đẩy giao thương hàng hóa, sản xuất và kinh doanh trong nước và toàn thế giới. Nhằm khắc phục những hạn chế trên, giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho chuỗi được duy trì, tránh gián đoạn, đứt gãy. Tài trợ chuỗi cung ứng (SCF) là một tập hợp các giải pháp tối ưu hóa dòng tiền của doanh nghiệp bằng cách cho phép các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng được phép kéo dài thời hạn thanh toán cho các nhà cung cấp lớn trong một khoản thời gian nhất định, còn doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) được thực hiện thanh toán sớm nhất có thể bằng cách lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát dòng chảy của các nguồn tài chính ở các cấp độ liên tổ chức với nhau (Abosuliman, Ur Rahman, Abdullaha, & Qadir, 2024; He & Liu, 2025; Li & Dong, 2025). Giải pháp SCF giúp cho các doanh nghiệp tối ưu hóa các dòng vốn lưu động và có khả năng thanh khoản tài chính kịp thời, có sự tích hợp vai trò của các nhà cung cấp dịch vụ thuê ngoài. SCF giúp cho các doanh nghiệp, các bên tham gia vào đều có lợi ích lớn như bên mua sẽ tối ưu hóa được dòng vốn lưu động, nhà cung cấp (bên bán) sẽ có thêm được dòng tiền để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh. Điều này giúp các doanh nghiệp, các bên liên quan như bên bán, bên mua hay cả tổ chức tài trợ giảm thiểu được rủi ro khi tham gia vào chuỗi cung ứng. SCF thực hiện hỗ trợ tài trợ cho các khoản phải thu theo phương thức chiết khấu khoản phải thu; tài trợ vốn cho các khoản nhập hàng của doanh nghiệp; tài trợ theo hình thức bao thanh toán; tài trợ các khoản phải trả. Trong trường hợp khoản tài trợ mà dựa vào khoản cho vay hoặc ứng trước, thì tổ chức tài trợ sẽ tài trợ cho doanh nghiệp dựa vào các khoản phải thu, hàng tồn kho cho các nhà phân phối, nhà cung cấp, tài

trợ vốn trước khi giao hàng. SCF sẽ góp phần cải thiện được mối quan hệ giữa doanh nghiệp với khách hàng/người tiêu dùng và nhà cung cấp.

Tuy nhiên, SCF lại yêu cầu các thành phần tham gia trong chuỗi cung ứng như bên bán hoặc bên mua phải đến tận tổ chức tài trợ để thực hiện các giao dịch xin cấp tài trợ. Đây là một vấn đề gây khó khăn và làm cho các bên liên quan trong chuỗi ngân ngại đến với tổ chức tài trợ, hơn nữa trong trường hợp mà bên bán hoặc bên mua ở xa như đang ở nước ngoài... Như vậy, họ sẽ không thể đến ngay được tổ chức tài trợ để xin cấp tài trợ. Nhằm khắc phục một phần những tồn tại, hạn chế trên, bài viết góp phần làm rõ các thành phần cấu thành khung nghiên cứu lý thuyết trong nghiên cứu khoa học với chủ đề về chuyên đề số tài trợ chuỗi cung ứng (SCF). Ngoài ra, bài viết mô phỏng quy trình xây dựng khung lý thuyết bao gồm 4 bước: (1) Lựa chọn xác định các thành phần chính cho khung nghiên cứu; (2) Mô tả sơ đồ quy trình và xây dựng khung nghiên cứu lý thuyết dựa vào các thành phần chính trong nghiên cứu liên quan; (3) Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần chính trong khung nghiên cứu và đánh giá. Cấu trúc của bài báo bao gồm: (1). Phân giới thiệu; (2) Cơ sở lý thuyết; (3) Tổng quan nghiên cứu trước về chuyên đề số hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng; (4) Các hướng nghiên cứu trong tương lai và khung nghiên cứu đề xuất (*Trong đó: tập trung trình bày về xác định các thành phần chủ yếu trong khung nghiên cứu; Đề xuất xây dựng khung nghiên cứu; Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần trong khung nghiên cứu; Thảo luận kết quả*); (5). Phần kết luận.

2. Cơ sở lý thuyết

Cung ứng là quá trình lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát dòng chảy của hàng hóa, dịch vụ và thông tin từ điểm khởi đầu (*nhà cung cấp nguyên liệu*) đến điểm tiêu dùng cuối cùng, nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng một cách hiệu quả và tối ưu. Chuỗi cung ứng được hiểu là toàn bộ quá trình bao gồm các công việc từ hoạch định, mua nguyên vật liệu, khâu sản xuất đến phân phối sản phẩm,

hàng hóa hay dịch vụ đến tay người tiêu dùng và kể cả dịch vụ hậu mãi (Heath et al., 2025; Wang et al., 2024). Tài trợ là hoạt động cung cấp hoặc bảo đảm vốn để tài trợ cho các hoạt động và sự tăng trưởng của doanh nghiệp, thông qua cơ chế nợ, vốn chủ sở hữu hoặc cơ chế kết hợp (A' Aqoulah et al., 2025; Yu, Kou, Liu, & Chu, 2025).

Theo Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2020): *Tài trợ chuỗi cung ứng* là việc sử dụng các giải pháp tài chính nhằm tối ưu hóa dòng tiền bị khóa trong các giao dịch giữa người mua và người bán trong chuỗi cung ứng. Tài trợ chuỗi cung ứng (SCF) là tối đa hóa nguồn tài trợ giữa các thành phần trong chuỗi và quá trình tích hợp tài trợ giữa người mua, nhà cung cấp và tổ chức tài chính để tăng giá trị cho tất cả các thành phần tham gia trong chuỗi (He & Liu, 2025; Wang et al., 2024).

Chuyển đổi số là quá trình sử dụng công nghệ để tạo ra hoặc thay đổi các quy trình kinh doanh, văn hóa và trải nghiệm khách hàng nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi của thị trường và doanh nghiệp (*World Economic Forum, 2018, Digital Transformation Initiative Report*).

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số (*Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ - Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*).

3. Tổng quan nghiên cứu trước về chuyển đổi số hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng

Trong những năm qua, chuyển đổi số hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng tại các tổ chức tài trợ/ngân hàng đã được triển khai mạnh mẽ nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp (gồm cả bên bán, bên mua) có thể dễ dàng tiếp cận dòng vốn từ hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng trên môi trường số đã nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu từ nhiều nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài nước. Trên thế giới, có những nhóm tác giả đã nghiên cứu và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hay chuyển đổi số SCF cho hoạt động tài trợ

(Huang & Gan, 2023; Teng, Ma, Qian, & Wang, 2024). Và ngày nay đã có một số tổ chức đã ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng giải pháp Chuyển đổi số SCF như: BIDV được vinh danh “*Ngân hàng cung cấp dịch vụ Tài trợ chuỗi cung ứng (SCF) tốt nhất Việt Nam năm 2022*” trên tạp chí International Finance Magazine, BIDV đã nghiên cứu và xây dựng tài trợ chuỗi cung ứng trực tuyến (SCF) (BIDV, 2023). Tuy nhiên, việc triển khai ứng dụng nền tảng công nghệ, Fintech vào xây dựng các giải pháp về SCF còn nhiều hạn chế. Đến nay, trong nước đã có một số các ngân hàng lớn vẫn tích cực và chủ động triển khai áp dụng hoạt động SCF trong hoạt động chuỗi cung ứng các gói tài trợ phục vụ cho nhiều đối tượng khách hàng. Một số ngân hàng đã nghiên cứu triển khai áp dụng công nghệ chuyển đổi số vào hoạt động tài trợ chuỗi cung ứng nhằm cải thiện hoạt động tài trợ cho khách hàng, người tiêu dùng.

Như vậy, SCF đã có những giải pháp triển khai khác nhau và đầu đó, nhiều tổ chức tài trợ đã nghiên cứu và triển khai Chuyển đổi số SCF để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong việc xin cấp tài trợ. Tuy nhiên, để có được một cái nhìn tổng thể, khái quát về xem hoạt động SCF cho các doanh nghiệp ở Việt Nam được triển khai, phát triển như thế nào, cần có những giải pháp để đưa ra những đánh giá, phân tích tổng quát cho các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp, người học trong nước và thế giới. Do vậy, việc xây dựng một khung nghiên cứu lý thuyết mạng tính tổng quát cho tích hợp giải pháp chuyển đổi số SCF cho các doanh nghiệp Việt Nam là hết sức cần thiết.

Khung nghiên cứu lý thuyết trong các công trình nghiên cứu khoa học, dự án hay các đề án... được xem là một trọng tâm quan trọng, bởi nó giúp nhà nghiên cứu hệ thống hóa toàn bộ các thành phần và mối quan hệ giữa các thành phần trong quá trình nghiên cứu. Khung lý thuyết không chỉ là một hệ thống các khái niệm, lý thuyết mà bao gồm những mối quan hệ giữa các nhân tố, các thành phần trong toàn bộ quá trình nghiên cứu từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc một vấn đề nghiên cứu, từ lý thuyết đến thực nghiệm, kết quả, khám phá và

kiểm định kết quả nghiên cứu, triển khai (Duke, Prictor, Ekinci, Hachem, & Burchill, 2021; Micollier, 2012). Mỗi quan hệ này có thể được diễn giải qua giả thuyết nghiên cứu, công thức toán học, mô hình nghiên cứu hay các thành phần cần phải nghiên cứu trong một bài toán. Bằng việc xây dựng một khung nghiên cứu lý thuyết tổng thể cho quá trình nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi số tài trợ chuỗi cung ứng (SCF) trong hoạt động chuỗi cung ứng.

4. Các hướng nghiên cứu trong tương lai và khung nghiên cứu đề xuất

4.1. Các thành phần của khung nghiên cứu lý thuyết

Khung nghiên cứu lý thuyết bao gồm nhiều thành phần, yếu tố có mối quan hệ với nhau và được hệ thống hóa thành sơ đồ quy trình các bước thể hiện các bước có một trình tự để thực hiện các công việc, nhiệm vụ cụ thể cần phải nghiên cứu và đi tìm cách luận giải cho một vấn đề nào đó. Với bài báo này là tập trung đề xuất khung nghiên cứu lý thuyết cho chủ đề về tiếp cận Tài trợ chuỗi cung ứng tích hợp chuyển đổi số tại các Doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, các thành phần chủ yếu tham gia trong khung nghiên cứu bao gồm:

(1) *Cơ sở lý luận và thực tiễn về giải pháp tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng (SCF)*. Trong thành phần này cần nghiên cứu về Tổng quan về SCF và các nghiên cứu liên quan trong và ngoài nước, các khái niệm/mô hình lý thuyết liên quan đến quản trị chuỗi cung ứng số, FinTech, hoặc lý thuyết hệ thống, lý thuyết về chuỗi cung ứng, quản trị chuỗi cung ứng, bên bán, bên mua, tổ chức tài trợ, SCF, chuyển đổi số SCF, các yếu tố ảnh hưởng tới SCF...

(2) *Đánh giá thực trạng tích hợp chuyển đổi số và SCF tại Việt Nam hiện nay*. Phân tích, đánh giá thực trạng xem hiện nay các doanh nghiệp Việt Nam ứng dụng chuyển đổi số SCF. Qua đó, chỉ ra được những tồn tại và nguyên nhân dẫn đến tồn tại đó, đưa ra những kiến nghị, kết quả phải đạt được trong hoạt động chuyển đổi số SCF cho các doanh nghiệp ở Việt Nam.

(3) *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới tích hợp chuyển đổi số SCF cho các bên liên quan tại Việt Nam*. Dựa vào thu thập dữ liệu thông qua các phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp từ các doanh nghiệp tham gia vào xin tài trợ và cơ quan tài trợ thông qua khảo sát, điều tra. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp bằng cách Xác định và đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến Chuyển đổi số SCF thông qua thu thập dữ liệu từ các sách, báo, niên giám thống kê và các nguồn khác.

(4) *Chuyển đổi số SCF tại các doanh nghiệp Việt Nam*. Đây được xem như thành phần trung gian, với công nghệ sẽ sử dụng vào hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số SCF cho các doanh nghiệp, giúp cho các bên mua, bán, tài trợ thực hiện trên môi trường số. Các công nghệ hỗ trợ chuyển đổi số chủ yếu bao gồm:

- Các công nghệ nền tảng hỗ trợ SCF (Bandara et al., 2023; Chen et al., 2020; Deng, Li, Wang, & Luo, 2023; H. Liu et al., 2023; J. Liu, Yan, & Wang, 2022).

- Ứng dụng của FinTech và nền tảng số trong tài trợ chuỗi cung ứng.

- Tác động của chuyển đổi số đối với hiệu quả tài trợ chuỗi cung ứng.

(5) *Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức ảnh hưởng chuyển đổi số SCF cho doanh nghiệp tại Việt Nam*

Để xây dựng được giải pháp chuyển đổi số SCF cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, cần phân tích những điều kiện trước khi thực hiện chuyển đổi số sao cho đảm bảo được thành công, mang lại hiệu quả cho các doanh nghiệp khi tham gia vào hoạt động SCF. Dưới đây sẽ phân tích SWOT (Motallebi, Zandieh, Tabriz, & Tirkolaei, 2025) trong Chuyển đổi số SCF tại Việt Nam:

Điểm mạnh (Strengths): Thể hiện ở việc Tối ưu quản lý dòng tiền; Nâng cao tính minh bạch độ ứng dụng công nghệ mới; Tăng khả năng tiếp cận vốn và Tự động hóa quy trình.

Điểm yếu (Weaknesses): Khi thực hiện chuyển đổi số SCF sẽ yêu cầu Chi phí đầu tư cao; Doanh nghiệp có thể Thiếu kỹ năng và nhân lực số và đặc biệt là Chưa chuẩn hóa dữ liệu vì hệ thống tài chính doanh nghiệp chưa đồng bộ.

Cơ hội (Opportunities): Có thể có cơ hội nhận được sự Hỗ trợ từ chính phủ và Phát triển FinTech, tăng cơ hội tài trợ chuỗi cung ứng quốc tế.

Thách thức (Threats): Hạ tầng bảo mật chưa đủ mạnh, doanh nghiệp dễ bị tấn công mạng; Thiếu đồng bộ với hệ thống tài chính truyền thống và có thể Lạm phát, suy thoái có thể ảnh hưởng đến khả năng tài trợ.

(6) Đề xuất giải pháp hàm ý chính sách thúc đẩy tích hợp chuyển đổi số và SCF, tăng cường tính bền vững cho chuỗi cung ứng tại Việt Nam.

Dựa vào những phân tích SWOT ở trên, làm cơ sở đề kiến nghị một số giải pháp ứng dụng công nghệ chuyển đổi số tích hợp vào SCF phù hợp với quan điểm, chủ trương của các cấp ngành về chuyển đổi số SCF để hỗ trợ cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia tích cực vào hoạt động chuỗi cung ứng, đảm bảo cho chuỗi cung ứng bền vững, tránh được những rủi ro, gián đoạn...

4.2. Đề xuất khung nghiên cứu lý thuyết

Dựa vào mục tiêu nghiên cứu của bài báo là xây dựng được một khung nghiên cứu lý thuyết về chuyển đổi số SCF cho các doanh nghiệp Việt Nam, nhóm tác giả đã phân tích và xác định được các thành phần chính trong các nhiệm vụ công việc cần phải thực hiện và nội dung mô tả khái quát về nhiệm vụ trong từng thành phần để làm cơ sở cho xây dựng quy trình khung nghiên cứu lý thuyết. Khung nghiên cứu lý thuyết có vai trò giúp cho các nghiên cứu:

- Xác định phạm vi và mục tiêu nghiên cứu: Giúp làm rõ các khái niệm cốt lõi như tài trợ chuỗi cung ứng số công nghệ số, blockchain, AI và dữ liệu lớn trong tài trợ. Xác định các vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu, chẳng hạn như tối ưu hóa dòng tiền, giảm rủi ro tín dụng và nâng cao hiệu suất chuỗi cung ứng.

- Tổng hợp và phân tích lý thuyết nền tảng: Tổng hợp các lý thuyết chuỗi cung ứng, tài chính và quản trị chuỗi cung ứng liên quan. Xác định các mô hình lý thuyết có thể áp dụng, như lý thuyết chi phí giao dịch, lý thuyết đại diện, hay lý thuyết chuỗi cung ứng bền vững.

- Xây dựng mô hình nghiên cứu: Phát triển khung lý thuyết để mô tả và giải thích về cơ chế vận hành, hoạt động Chuyển đổi số SCF. Đề xuất các thành phần, giả thuyết nghiên cứu và mối quan hệ giữa chúng.

- Hướng dẫn phương pháp nghiên cứu thực nghiệm: Định hướng cách thu thập dữ liệu từ doanh nghiệp, ngân hàng, nền tảng fintech. Đề xuất các phương pháp phân tích định lượng hoặc định tính phù hợp.

- Cung cấp nền tảng cho các nghiên cứu tiếp theo: Tạo tiền đề cho các nghiên cứu ứng dụng trong thực tiễn. Đề xuất hướng đi cho các nghiên cứu mở rộng, chẳng hạn như tác động của công nghệ blockchain lên tài trợ chuỗi cung ứng.

Hình 1 trình bày quy trình về xây dựng Khung nghiên cứu lý thuyết:

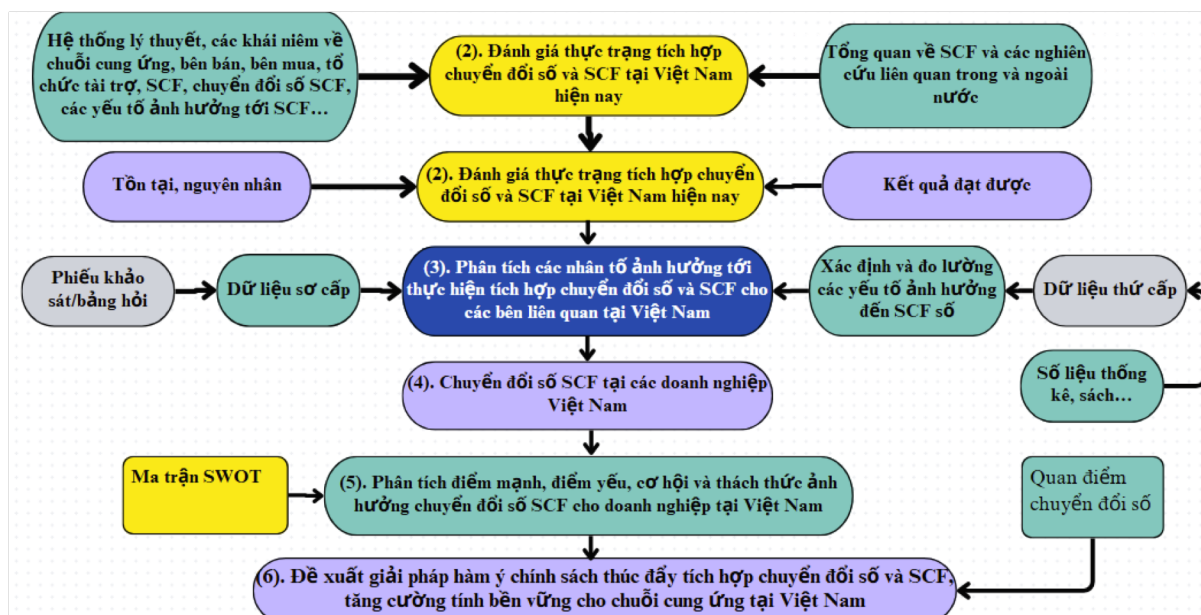
Như vậy, quy trình trên hình 1 cho thấy các công việc và định hướng cho các nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn về chuyển đổi số tài trợ chuỗi cung ứng trong bối cảnh công nghệ ngày nay.

4.3. Phân tích mối quan hệ giữa các thành phần trong khung nghiên cứu

Hình 1 trình bày quy trình về khung nghiên cứu lý thuyết được xây dựng bao gồm các thành phần chủ yếu mô tả về các công việc, nhiệm vụ và các công đoạn nghiên cứu chính cần phải thực hiện khi nghiên cứu và đề mô các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hỗ trợ giải pháp tích hợp số trong tài trợ chuỗi cung ứng số cho các doanh nghiệp của Việt Nam khi tham gia vào chuỗi cung ứng nhằm giảm thiểu sự đứt gãy, gián đoạn hoạt động của các thành phần tham gia chuỗi cung ứng. Trong sơ đồ trên cho thấy mối quan hệ giữa 6 thành phần chính đảm bảo thực hiện theo các bước tuần tự, quy trình đảm bảo từ khi bắt đầu cho đến kết thúc. *Cụ thể:*

(1) Lý luận và thực tiễn: Nghiên cứu, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn về giải pháp tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng (SCF).

(2) Thực trạng chuyển đổi số SCF: Đánh giá thực trạng tích hợp chuyển đổi số và SCF tại Việt Nam hiện nay.



(Nguồn: Tác giả)

Hình 1: Sơ đồ quy trình khung nghiên cứu lý thuyết đề xuất

(3) Ảnh hưởng tới chuyển đổi số SCF: Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới thực hiện tích hợp chuyển đổi số và SCF cho các bên liên quan tại Việt Nam.

(4) Chuyển đổi số SCF tại doanh nghiệp: Chuyển đổi số SCF cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

(5) Phân tích SWOT (Chuyển đổi số SCF): Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức ảnh hưởng chuyển đổi số SCF cho doanh nghiệp tại Việt Nam.

(6) Giải pháp chuyển đổi số SCF: Đề xuất giải pháp hàm ý chính sách thúc đẩy tích hợp chuyển đổi số và SCF, tăng cường tính bền vững cho chuỗi cung ứng tại Việt Nam.

Dựa vào 6 thành phần được chỉ ra ở trên và thông qua sơ đồ quy trình thể hiện mối quan hệ giữa 6 thành phần và những mô tả các công việc kèm theo đối với từng thành phần. Qua đó, cho thấy trình tự thực hiện từng nhiệm vụ nghiên cứu và cần có những nghiên cứu liên quan để diễn giải từng nhiệm vụ, mỗi thành phần chính trong khung nghiên cứu đều có mối quan hệ chặt chẽ với các thành phần khác, qua đó giúp cho quy trình được thể hiện một cách tuần tự các bước trong hệ thống

nghiên cứu thúc đẩy tài trợ chuỗi cung ứng số cho các doanh nghiệp tại Việt Nam trong xu hướng chuyển đổi số hiện nay.

4.4. Thảo luận

Để có đánh giá khách quan về khung nghiên cứu lý thuyết SCF tại doanh nghiệp Việt Nam, nhóm tác giả đã xây dựng phiếu khảo sát để ý kiến các chuyên gia là các nhà quản lý trong lĩnh vực liên quan. Nhóm tác giả tiến hành khảo sát bằng sử dụng phương pháp bảng hỏi, thiết kế phiếu và hỏi trực tiếp các quản lý. Để thiết kế bảng hỏi, nhóm tác giả đã tiến hành qua các bước:

Bước 1: Xác định những thông tin cần thiết từ người trả lời

Bước 2: Xác định đối tượng trả lời

Bước 3: Chọn phương thức tiếp cận đối tượng khảo sát

Bước 4: Xây dựng nội dung bảng hỏi

Bước 5: Diễn đạt câu hỏi.

Bước 6: Sắp xếp các câu hỏi theo thứ tự và định dạng có ý nghĩa.

Trong trường hợp này, tác giả sử dụng câu hỏi đóng.

Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có chủ đích, với mẫu khảo sát được chọn là 15 nhà

quản lý tại các doanh nghiệp đã triển khai áp dụng sử dụng hình thức tài trợ chuỗi cung ứng SCF như Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên, Công ty Cổ phần TNG Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Toyota Chi nhánh Thái Nguyên, Công ty Cổ phần Trường Hải ô tô - Chi nhánh Thái Nguyên, tổ chức tín dụng như Ngân hàng Vietin bank, Tecombank...

Bảng hỏi được xây dựng gồm 6 tiêu chí chính sau:

Tiêu chí 1: Lý luận và thực tiễn

Tiêu chí 2: Thực trạng chuyển đổi số SCF

Tiêu chí 3: Ảnh hưởng tới chuyển đổi số SCF

Tiêu chí 4: Chuyển đổi số SCF tại doanh nghiệp

Tiêu chí 5: Phân tích SWOT (Chuyển đổi số SCF)

Tiêu chí 6: Giải pháp chuyển đổi số SCF

Chi tiết về từng tiêu chí được mô tả tại mục 2 và mục 4 ở trên.

Kết quả cụ thể: xin ý kiến từ 15 chuyên gia với 6 tiêu chí được đưa ra và 5 mức độ: (1) Không cần thiết; (2) Rất không cần thiết; (3) Trung bình; (4) Rất cần thiết; (5) Cần thiết.

Kết quả khảo sát trực tiếp từ các chuyên gia được tổng hợp cụ thể dưới bảng:

Dựa vào số liệu tổng hợp trong bảng trên, nhóm tác giả tiến hành phân tích trên biểu đồ sau về các mức độ đánh giá của các chuyên gia như sau:

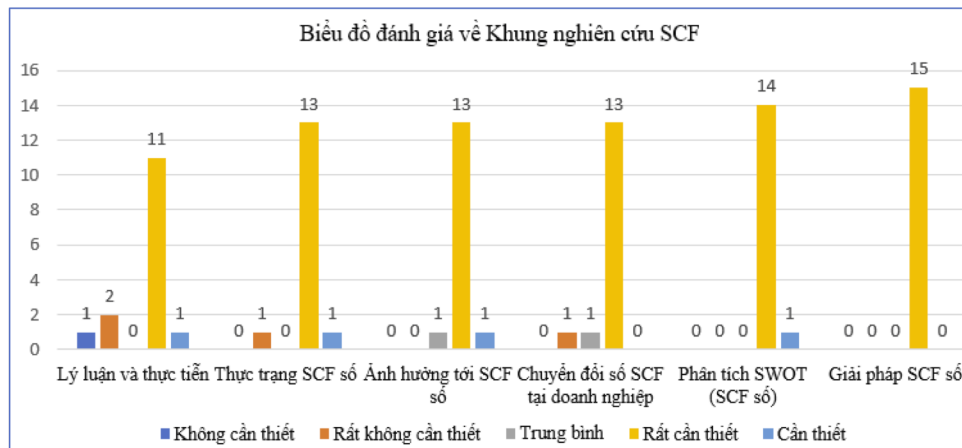
Từ Biểu đồ 1, các chuyên gia đều đồng tình cho rằng, Khung nghiên cứu lý thuyết về chuyển đổi số SCF tại các doanh nghiệp ở Việt Nam là hoàn toàn cần thiết và rất cần thiết đối với 6 tiêu chí được đưa ra. Cụ thể:

Với Tiêu chí về nghiên cứu Lý thuyết và Thực tiễn có tới 73% chuyên gia đánh giá là

Bảng 1: Tổng hợp, phân tích số liệu kết quả khảo sát từ các chuyên gia

STT	Tiêu chí khảo sát	Không cần thiết	Rất không cần thiết	Trung bình	Rất cần thiết	Cần thiết
1	Lý luận và thực tiễn	1 (7%)	2 (13%)	0	11 (73%)	1 (7%)
2	Thực trạng chuyển đổi số SCF	0	1 (7%)	0	13 (87%)	1 (7%)
3	Ảnh hưởng tới chuyển đổi số SCF	0	0	1 (7%)	13 (87%)	1 (7%)
4	Chuyển đổi số SCF tại doanh nghiệp	0	1 (7%)	1 (7%)	13 (87%)	0
5	Phân tích SWOT (Chuyển đổi số SCF)	0	0	0	14 (93%)	1 (7%)
6	Giải pháp chuyển đổi số SCF	0	0	0	15 (100%)	0

(Nguồn: Tác giả phân tích)



(Nguồn: Tác giả phân tích)

Biểu đồ 1: Đánh giá về khung nghiên cứu SCF từ các chuyên gia

rất cần thiết; Đánh giá Thực trạng về chuyển đổi số SCF có tới 87% đánh giá là rất cần thiết; Tiêu chí về Ảnh hưởng tới chuyển đổi số SCF có tới 87% là rất cần thiết; Tiêu chí về chuyển đổi số SCF tại doanh nghiệp có tới 87% đánh giá là rất cần thiết; Tiêu chí về Phân tích SWOT (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức) được đánh giá chiếm tới 93% là rất cần thiết. Đặc biệt, tiêu chí về Giải pháp chuyển đổi số SCF được đánh giá là rất cần thiết phải có chiếm tới 100%.

Như vậy, dựa vào 6 tiêu chí được đưa ra để xin ý kiến đánh giá của các chuyên gia đều cho thấy là rất cần thiết. Khung nghiên cứu SCF cho bài toán về tích hợp chuyển đổi số SCF tại các doanh nghiệp ở Việt Nam là hoàn toàn phù hợp và đảm bảo tính khả thi khi nghiên cứu thực hiện liên quan tới SCF.

Tuy nhiên, Khung nghiên cứu lý thuyết về chuyển đổi số SCF này hiện tác giả mới dừng lại ở mức thử nghiệm còn hạn chế, mới thử nghiệm dựa vào các chuyên gia, nhà quản lý và các bộ tiêu chí đưa vào khảo sát chưa được thực sự đầy đủ và bao quát hết được toàn bộ các mảng hoạt động chuyên sâu, cụ thể tới từng lĩnh vực, cũng như khả năng phát sinh trong tương lai của hoạt động SCF. Do vậy, trong thời gian tới, nhóm tác giả tiếp tục thử nghiệm khung nghiên cứu lý thuyết về chuyển đổi số SCF trong phạm vi các doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu, quản lý được rộng rãi hơn trong cả nước và đưa vào nhiều lĩnh vực thử nghiệm khác nhau. Và đặc biệt là đưa tích hợp nghiên cứu, áp dụng vào cài đặt một hệ thống chuyển đổi số SCF tại các doanh nghiệp, tổ chức tài trợ/ngân hàng trong thực tế. Qua đó, sẽ đánh giá và kiểm chứng tính đúng đắn mang tính tổng quát cho hoạt động chuyển đổi số SCF trong tương lai. Với bảng hỏi được thiết kế sử dụng Thang đo Likert với 5 mức độ. Do vậy, hướng nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả sẽ là sử dụng một trong các phương pháp kiểm định như phân tích nhân tố khám phá EFA, Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Amos), mô hình cấu trúc tuyến tính hội quy từng phần PLS-SEM (SmartPLS) để phân tích và kiểm chứng kết quả, mô hình đề xuất.

5. Kết luận

Tài trợ chuỗi cung ứng là một hình thức giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro, đứt gãy, gián đoạn, tạo sự liên kết bền vững giữa các thành phần tham gia vào chuỗi là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và cần thiết. Mặc dù, trong những năm qua, hoạt động tài trợ cho các chuỗi cung ứng đã nhận được nhiều sự quan tâm nghiên cứu và đã có nhiều giải pháp mới hỗ trợ như đưa công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số cho giải pháp tài trợ chuỗi cung ứng số và đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, hiện chưa có một kiến trúc tổng thể hay một khung nghiên cứu đầy đủ để chỉ ra những mối liên hệ giữa các thành phần trong chuỗi, sự gắn kết và những nghiên cứu, kết quả liên quan. Do vậy, chưa thấy được những tổng thể nghiên cứu liên quan về chuyển đổi số SCF cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Bài báo này đã đề xuất xây dựng khung nghiên cứu lý thuyết tổng thể cho bài toán nghiên cứu đề xuất giải pháp chuyển đổi số cho hoạt động SCF hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước giai đoạn hiện nay, đặc biệt là thể hiện sự gắn kết giữa các bên liên quan như bên bán, bên mua và các tổ chức tài trợ. Bài báo đã chỉ ra các thành phần chính trong khung nghiên cứu, quá trình xây dựng khung nghiên cứu và đưa ra được mô hình khung nghiên cứu lý thuyết, phân tích mối quan hệ giữa các thành phần trong khung. Kết quả khung nghiên cứu SCF cũng được 15 chuyên gia đánh giá qua các phiếu khảo sát và phỏng vấn, kết quả cho thấy các chuyên gia đều đồng ý và cho rằng rất cần thiết với những tiêu chí đưa ra trong khung nghiên cứu SCF. Qua đó, khung nghiên cứu sẽ được sử dụng làm cơ sở tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo về hoạt động chuyển đổi số SCF trong tương lai. Nhóm tác giả xin cảm ơn tới sự tài trợ từ đề tài: “*Tăng cường tính bền vững của chuỗi cung ứng sử dụng giải pháp tích hợp chuyển đổi số và tài trợ chuỗi cung ứng tại Việt Nam*”, mã số: B2025-TNA-15.

Tài liệu tham khảo:

- A'Aqoulah, A., Albalas, S., Al-Amayrh, H., Innab, N., Da'ar, O. B., Bhuyan, S. S., & Abusaris, R. (2025). Association Between Total Quality Management and Financial Performance: Evidence From University Teaching Hospitals. *Inquiry*, 62, 469580251359504. <https://doi.org/10.1177/00469580251359504>.
- Abosuliman, S. S., Ur Rahman, I., Abdullah, S., & Qadir, A. (2024). Selection of third-party logistics in supply chain finance under probabilistic complex hesitant fuzzy sets and distance measures. *Heliyon*, 10(17), e36544. doi:10.1016/j.heliyon.2024.e36544.
- Bandara, F., Jayawickrama, U., Subasinghage, M., Olan, F., Alamoudi, H., & Alharthi, M. (2023). Enhancing ERP Responsiveness Through Big Data Technologies: An Empirical Investigation. *Inf Syst Front*, 1-25. doi:10.1007/s10796-023-10374-w.
- Chen, J., Cai, T., He, W., Chen, L., Zhao, G., Zou, W., & Guo, L. (2020). A Blockchain-Driven Supply Chain Finance Application for Auto Retail Industry. *Entropy (Basel)*, 22(1). doi:10.3390/e22010095.
- Deng, L., Li, Y., Wang, S., & Luo, J. (2023). The impact of blockchain on optimal incentive contracts for online supply chain finance. *Environ Sci Pollut Res Int*, 30(5), 12466-12494. doi:10.1007/s11356-022-22498-8.
- Duke, D. L. M., Prictor, M., Ekinici, E., Hachem, M., & Burchill, L. J. (2021). Culturally Adaptive Governance-Building a New Framework for Equity in Aboriginal and Torres Strait Islander Health Research: Theoretical Basis, Ethics, Attributes and Evaluation. *Int J Environ Res Public Health*, 18(15). doi:10.3390/ijerph18157943.
- He, S., & Liu, Z. (2025). Impact of Digital Supply Chain Finance to alleviate SMEs financing constraints: Evidence from SRDI enterprises in China. *Sci Prog*, 108(3), 368504251375169. <https://doi.org/10.1177/00368504251375169>.
- Heath, M., de Jong, A. J., Magorrian-Spence, S., Jin, C., van Weelij, D. R., Pagnier, L., . . . Trials@Home, c. (2025). The Supply of Investigational Medicinal Product and Management of Study Materials for Decentralized Participants-Insights from the Trials@Home RADIAL Proof-of-Concept Trial. *Clin Pharmacol Ther.* <https://doi.org/10.1002/cpt.70072>.
- Huang, B., & Gan, W. (2023). Construction and application of computerized risk assessment model for supply chain finance under technology empowerment. *PLoS One*, 18(5), e0285244. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0285244>.
- Li, M., & Dong, Y. (2025). Research on the evaluation of China's Supply Chain Finance policy based on text mining. *PLoS One*, 20(3), e0317743. <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0317743>.
- Liu, H., Yang, B., Xiong, X., Zhu, S., Chen, B., Tolba, A., & Zhang, X. (2023). A Financial Management Platform Based on the Integration of Blockchain and Supply Chain. *Sensors (Basel)*, 23(3). <https://doi.org/10.3390/s23031497>.
- Liu, J., Yan, L., & Wang, D. (2022). A Hybrid Blockchain Model for Trusted Data of Supply Chain Finance. *Wirel Pers Commun*, 127(2), 919-943. <https://doi.org/10.1007/s11277-021-08451-x>.
- Le, T. T. (2020). The effect of green supply chain management practices on sustainability performance in Vietnamese construction materials manufacturing enterprises. *Uncertain Supply Chain Management*, 8(1), 43-54. doi.org/10.5267/j.uscm.2019.8.007
- Micollier, E. (2012). [Transcultural discussion in bioethics drawn from research experience in China: building up a theoretical and

methodological framework for further research cooperation]. *J Int Bioethique*, 23(2), 105-116, 179-180.

Motallebi, S., Zandieh, M., Tabriz, A. A., & Tirkolaee, E. B. (2025). Assessing the industry 4.0 strategies for a steel supply chain: SWOT, game theory, and gap analysis. *Heliyon*, 11(1), e41374. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e41374>.

Nguyen, X. H., & Le, T. A. (2020). The impact of global green supply chain management practices on performance: The case of Vietnam. *Uncertain Supply Chain Management*, 8(3). [hdoi.org/10.5267/j.uscm.2020.3.003](https://doi.org/10.5267/j.uscm.2020.3.003)

Nguyen, V. P., Estalia, A., & Razacova, G. (2017). Green Supply Chain Management Practices and Environmental Performance: An Empirical Study of Manufacturing Industry in Vietnam. *International Journal of Supply Chain Management*, 7(2). DOI: 10.53384/ijoscm.2051377120177125.

Teng, Y., Ma, S., Qian, Q., & Wang, G. (2024). SEIR-diffusion modeling and stability analysis of supply chain finance based on blockchain technology. *Heliyon*, 10(3), e24981. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2024.e24981>.

Trainer, A., Hedberg, T., Jr., Feeney, A. B., Fischer, K., & Rosche, P. (2016). Gaps Analysis of Integrating Product Design, Manufacturing, and Quality Data in The Supply Chain Using Model-Based Definition. *Proc ASME Int Conf Manuf Sci Eng*, 2. <https://doi.org/10.1115/MSEC2016-8792>.

Wang, W., Cao, Y., Chen, Y., Liu, C., Han, X., Zhou, B., & Wang, W. (2024). Assessing the adoption barriers for the AI in food supply chain finance applying a hybrid interval-valued Fermatean fuzzy CRITIC-ARAS model. *Sci Rep*, 14(1), 27834. <https://doi.org/10.1038/s41598-024-79177-6>.

Yu, Z., Kou, J., Liu, Y., & Chu, H. (2025). Decision algorithm with fuzzy framework

and evaluation of advanced financial management policy. *Sci Rep*, 15(1), 31184. <https://doi.org/10.1038/s41598-025-07662-7>.

Summary

In the post-Covid-19 context, the Russia-Ukraine war, the Middle East region between Israel and the Gaza Strip, Iran..., competition between major countries such as the US, Russia, China has caused instability and disrupted, broken global supply chains. The article will propose to build a theoretical research framework for the purpose of researching traditional supply chain financing activities and digital supply chains for Vietnamese enterprises, helping enterprises have tools and models for effective supply chain management through SCF. The article uses statistical research methods, synthesizing and analyzing survey data collected from 15 managers and scientists. At the same time, it inherits valuable findings from previous studies. The results show that managers and scientists all agree and consider it very necessary to have the criteria set out in the SCF research framework (*including: Theory and practice, Current status of digital SCF, Impact on digital SCF, Digital transformation of SCF in enterprises, SWOT analysis (digital SCF) and Digital SCF solutions*). Based on the SCF Research Framework, businesses will have support tools in their management and operations to ensure sustainable development and avoid disruptions in supply chain operations.